

## 10 ĐỀ THI GIỮA HK1 MÔN SINH 10 NĂM 2019-2020

### 1. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 1

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC

ĐỀ THI KSCL LẦN 1 NĂM HỌC 2018 - 2019

TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐẬU

MÔN THI: SINH HỌC 10

(Thời gian làm bài 50 phút, đề gồm 10 câu)

**Câu 1:** Trả lời ngắn gọn các câu sau

- A. Bào quan nào là nơi diễn ra quá trình hô hấp tế bào?
- B. Trong quá trình hô hấp tế bào, giai đoạn nào tạo ra nhiều ATP nhất?
- C. Pha tối của quang hợp xảy ra ở đâu?
- D. Pha sáng tạo ra sản phẩm gì?

**Câu 2:** Các nhận định sau đây đúng hay sai? Nếu sai hãy giải thích.

- A. Trong phân tử enzym có vùng cấu trúc không gian đặc biệt chuyên liên kết với cơ chất gọi là trung tâm hoạt động.
- B. Enzym làm tăng tốc độ của phản ứng và bị biến đổi sau phản ứng.

**Câu 3:** Một nhóm tế bào sinh trứng tham gia giảm phân đã tạo ra 32 trứng. Hãy xác định:

- a. Số tế bào sinh trứng.
- b. Số thể định hướng bị tiêu biến.

**Câu 4:** Trong quá trình nguyên phân, hiện tượng NST co xoắn tối đa trước khi bước vào kì sau có ý nghĩa gì?

**Câu 5:**

- a. Hoạt tính của enzym là gì?
- b. Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính của enzym?

**Câu 6:** Một tế bào có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội  $2n = 16$ . Hãy xác định số crômatit, số tâm động trong tế bào khi tế bào đang ở kì giữa, kì sau của nguyên phân.

**Câu 7:** Ôxi được tạo ra trong pha nào của quá trình quang hợp? Từ nơi được tạo ra, Ôxi phải đi qua mấy lớp màng để ra khỏi tế bào?

**Câu 8:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Từ một tế bào mẹ trải qua quá trình giảm phân tạo ra .....(1).....tế bào con, bộ nhiễm sắc thể trong tế bào con.....(2).....bộ nhiễm sắc thể trong tế bào mẹ.

**Câu 9:**

a. Nêu tên các pha của kì trung gian.

b. Nhận xét kì trung gian của các tế bào sau: tế bào vi khuẩn, tế bào thần kinh.

**Câu 10:** Sau một đợt giảm phân của 15 tế bào sinh trứng, người ta thấy có tất cả 1755 nhiễm sắc thể bị tiêu biến cùng các thể định hướng.

a. Xác định bộ nhiễm sắc thể của loài trên.

b. Nếu hiệu suất thụ tinh của trứng là 20%, của tinh trùng là 25 % thì số tế bào sinh tinh cần cho quá thụ tinh là bao nhiêu?

### ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung đáp án
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Ti thể</li> <li>b. Chuỗi chuyền e hô hấp</li> <li>c. Chất nền của lục lạp</li> <li>d. O<sub>2</sub>, ATP, NADPH</li> </ul>
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Đúng</li> <li>b. Sai. Vì enzym không bị biến đổi sau phản ứng.</li> </ul>
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Số tế bào sinh trứng: 32</li> <li>-Số thể định hướng: 96.....</li> </ul>
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nst dễ dàng phân li về 2 cực của tế bào mà không bị rối.....</li> <li>-Giúp phân chia đồng đều vật chất di truyền.....s</li> </ul>
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Hoạt tính của enzym được tính bằng lượng sản phẩm được tạo thành từ một lượng cơ chất trên một đơn vị thời gian.....</li> <li>-Các yếu tố ảnh hưởng: nhiệt độ, độ pH, nồng độ cơ chất, nồng độ enzym, chất ức chế hoặc hoạt hóa enzym.</li> </ul>
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kì giữa:</li> <li>+Số cromatit: 32</li> <li>+Số tâm động: 16</li> <li>-Kì sau:</li> <li>+Số cromatit: 0</li> <li>+Số tâm động: 32</li> </ul>

7	-Pha sáng..... -4 lớp màng: +màng tilacoit. +màng trong và màng ngoài của lục lạp. +màng sinh chất.
8	(1): bốn (2): bằng một nửa
9	-pha G1, pha S, pha G2 -Tế bào vi khuẩn: Phân chia theo kiểu trực phân → không có kì trung gian. -Tế bào thân kinh: kì trung gian kéo dài suốt đời sống cá thể
10	- $n = 1755 : (15 \times 3) = 39 \rightarrow 2n = 78 \dots$ - số trứng được thụ tinh = số tinh trùng được thụ = $15 \times 20\% = 3$ → số tinh trùng tham gia thụ tinh = $(3 \times 100) : 25 = 12 \rightarrow$ số tế bào sinh tinh = $12 : 4 = 3 \dots$

## 2. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 2

**TRƯỜNG THPT LÊ XOAY**

**Năm học: 2019 – 2020**

---o0o---

**ĐỀ THI GIỮA HK1 LẦN 2**

**MÔN: SINH HỌC 10**

*Thời gian làm bài: 50 phút*

*(40 câu trắc nghiệm)*

**Câu 1:** Loại bào quan không có ở tế bào động vật là

A. lục lạp.    B. không bào.    C. lizôxôm.    D. ti thể.

**Câu 2:** Điểm giống nhau về cấu tạo giữa lục lạp và ti thể trong tế bào là

- A. có chứa sắc tố quang hợp.
- B. được bao bọc bởi lớp màng kép.
- C. có chứa nhiều loại enzym hô hấp.
- D. có chứa nhiều phân tử ATP.

**Câu 3:** Trong môi trường nhược trương, tế bào có nhiều khả năng bị vỡ ra là

- A. tế bào nấm men.                      B. tế bào hồng cầu.  
C. tế bào thực vật.                      D. tế bào vi khuẩn.

**Câu 4:** Testosteron được tổng hợp ở bào quan nào dưới đây?

- A. Ribôxôm.                                B. Lưới nội chất hạt.  
C. Bộ máy gôngi.                        D. Lưới nội chất trơn.

**Câu 5:** Cấu trúc quyết định tính đặc thù và đa dạng của phân tử prôtêin là

- A. cấu trúc bậc 3.                        B. cấu trúc bậc 4.  
C. cấu trúc bậc 2.                        D. cấu trúc bậc 1.

**Câu 6:** Để cố định một phân tử CO<sub>2</sub> theo chu trình Calvin cần nguyên liệu từ pha sáng tương đương

- A. 3ATP, 2NADPH.                      B. 18ATP, 12NADPH.  
C. 12ATP, 18NADPH.                      D. 18ATP, 12NADPH.

**Câu 7:** Một tế bào lưỡng bội của ruồi giấm (có bộ nhiễm sắc thể  $2n = 8$ ) đang ở kì cuối của quá trình nguyên phân. Số crômatit có trong tế bào này tại thời điểm quan sát là bao nhiêu?

- A. 0.                      B. 16.                      C. 8.                      D. 24.

**Câu 8:** Loại vitamin nào dưới đây không phải là một dạng lipit?

- A. Vitamin E.                      B. Vitamin D.                      C. Vitamin C.                      D. Vitamin A.

**Câu 9:** Tế bào gan của người nào sau đây có lưới nội chất trơn phát triển mạnh nhất?

- A. Người bình thường.                      B. Người bị đau tim.  
C. Người bị đau răng.                      D. Người nghiện rượu.

**Câu 10:** Cấu trúc của thimin khác với uraxin về

- A. loại đường và loại bazơ.                      B. loại đường và loại axit photphoric.  
C. liên kết giữa axit photphoric với đường.                      D. vị trí liên kết giữa đường với bazơ.

**Câu 11:** Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Khí ôxi được giải phóng trong pha tối.  
B. Ôxi sinh ra trong quang hợp có nguồn gốc từ nước.  
C. ATP sinh ra trong quang hợp là nguồn năng lượng lớn cung cấp cho tế bào.  
D. Đường được tạo ra trong pha sáng.

**Câu 12:** Cho các đặc điểm sau:

- (1). không có màng nhân. (2). không có các bào quan có màng bao bọc.  
(3). không có hệ thống nội màng. (4). không có thành tế bào bằng peptidoglican.

Trong các đặc điểm trên, có bao nhiêu đặc điểm là chung cho tất cả các tế bào nhân sơ?

A. 4.            B. 2.            C. 3.            D. 1.

**Câu 13:** Trong tế bào mARN có vai trò

- A. lưu giữ, bảo quản thông tin di truyền.
- B. tổ hợp với prôtêin cấu tạo nên nhiễm sắc thể.
- C. truyền thông tin di truyền từ ADN đến prôtêin.
- D. vận chuyển axit amin.

**Câu 14:** Một gen dài 425 nm và có tổng số nuclêôtit loại A và nuclêôtit loại T chiếm 40% tổng số nuclêôtit của gen. Mạch 1 của gen có 220 nuclêôtit loại T và số nuclêôtit loại X chiếm 20% tổng số nuclêôtit của mạch. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Mạch 1 của gen có  $G/X = 2/3$ .
- II. Mạch 2 của gen có  $(A + X)/(T + G) = 53/72$ .
- III. Mạch 2 của gen có  $G/T = 25/28$ .
- IV. Mạch 2 của gen có 20% số nuclêôtit loại X.

A. 4.            B. 3.            C. 1.            D. 2.

**Câu 15:** Nếu ăn quá nhiều prôtêin (chất đạm), cơ thể có thể mắc bệnh gì sau đây?

- A. Bệnh mỡ máu.                            B. Bệnh gút.
- C. Bệnh đau dạ dày.                        D. Bệnh tiểu đường.

**Câu 16:** Cho một số hoạt động sau:

- (1) Tổng hợp prôtêin.
- (2) Tế bào thận vận chuyển chủ động urê và glucôzơ qua màng.
- (3) Tim co bóp đẩy máu chảy vào động mạch.
- (4) Vận động viên đang nâng quả tạ.
- (5) Vận chuyển nước qua màng sinh chất.

Trong các hoạt động trên, có bao nhiêu hoạt động tiêu tốn năng lượng ATP?

A. 5.            B. 4.            C. 3.            D. 2.

**Câu 17:** Những đặc điểm nào sau đây thuộc về pha sáng?

- (1) Diễn ra ở các tilacoit.
- (2) Diễn ra trong chất nền của lục lạp.
- (3) Là quá trình ôxi hóa nước.
- (4) Nhất thiết phải có ánh sáng.

Những phương án trả lời đúng là

A. (1), (2), (4).                            B. (2), (3), (4).

C. (1), (2), (3).                      D. (1), (3), (4).

**Câu 18:** Cho các nhận định sau:

- (1) Tinh bột là chất dự trữ trong cây.
- (2) Glicôgen là chất dự trữ trong cơ thể động vật và nấm.
- (3) Glucôzơ là nguyên liệu chủ yếu cho hô hấp tế bào.
- (4) Saccarôzơ là loại đường vận chuyển trong cây.
- (5) Pentôzơ là loại đường tham gia vào cấu tạo ADN và ARN.

Trong các nhận định trên có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của cacbohidrat trong tế bào và cơ thể?

A. 3                      B. 4.                      C. 2.                      D. 5.

**Câu 19:** Trong các nhận xét sau về enzym và vai trò của enzym, nhận xét nào không đúng?

- A. Các chất trong tế bào được chuyển hóa từ chất này sang chất khác thông qua hàng loạt phản ứng có xúc tác của enzym.
- B. Khi cần tổng hợp nhanh một chất nào đó với số lượng lớn, tế bào có thể sử dụng nhiều loại enzym khác nhau.
- C. Tế bào có thể điều hòa quá trình trao đổi chất thông qua việc điều khiển tổng hợp enzym hoặc ức chế hoặc hoạt hóa enzym.
- D. Các yếu tố môi trường như nhiệt độ, độ pH...ảnh hưởng đến hoạt tính của enzym.

**Câu 20:** Người ta chia vi khuẩn thành 2 loại là vi khuẩn Gram âm và vi khuẩn Gram dương dựa vào

- A. cấu trúc và thành phần hóa học của thành tế bào.
- B. cấu trúc của nhân tế bào.
- C. số lượng plasmit trong tế bào chất của vi khuẩn.
- D. khả năng chịu nhiệt của vi khuẩn.

**Câu 21:** Cho các phương thức vận chuyển các chất sau:

- (1). Khuếch tán trực tiếp qua kép photpholipit.
- (2). Khuếch tán qua kênh prôtêin xuyên màng.
- (3). Nhờ sự biến dạng của màng tế bào.
- (4). Nhờ kênh prôtêin đặc hiệu và tiêu hao ATP.

Trong các phương thức trên, có mấy phương thức để đưa các chất tan vào trong tế bào?



C. Thông qua hô hấp, phân tử glucôzơ được phân giải dần và năng lượng được lấy ra từng phần ở các giai đoạn khác nhau.

D. Chuỗi chuyền electron hô hấp diễn ra tại chất nền của ti thể.

**Câu 28:** Hoạt động xảy ra trong pha G<sub>1</sub> của kỳ trung gian là

A. ADN tự nhân đôi.

B. trung thể tự nhân đôi.

C. nhiễm sắc thể tự nhân đôi.

D. sự tổng hợp thêm tế bào chất và bào quan.

**Câu 29:** Hoạt động nào sau đây không cần cung cấp năng lượng từ ATP?

A. Sự khuếch tán các chất tan qua màng tế bào.

B. Sinh trưởng của cây xanh.

C. Sự co cơ ở động vật.

D. Sự vận chuyển chủ động các chất qua màng sinh chất.

**Câu 30:** Năng lượng tích lũy trong các liên kết hóa học của các chất hữu cơ trong tế bào được gọi là

A. hóa năng.

B. nhiệt năng.

C. điện năng.

D. động năng.

**Câu 31:** Tập hợp nhiều tế bào cùng loại và cùng thực hiện một chức năng nhất định tạo thành

A. cơ thể.

B. mô.

C. hệ cơ quan.

D. cơ quan.

**Câu 32:** Chất hữu cơ trực tiếp đi vào chu trình Crep là

A. axit piruvic.

B. axetyl – CoA.

C. đường glucôzơ.

D. NADH.

**Câu 33:** Cơ thể người không tiêu hóa được loại đường nào dưới đây?

A. Lactôzơ.

B. Saccarôzơ.

C. Mantôzơ.

D. Xenlulôzơ.

**Câu 34:** Từ 1 phân tử Axetyl – CoA qua chu trình Crep tạo được

A. 2ATP, 8NADH, 2FADH<sub>2</sub>, 6CO<sub>2</sub>.

B. 2ATP, 6NADH, 2FADH<sub>2</sub>, 4CO<sub>2</sub>.

C. 1ATP, 3NADH, 1FADH<sub>2</sub>, 2CO<sub>2</sub>.

D. 1ATP, 3NADH, 2FADH<sub>2</sub>, 4CO<sub>2</sub>.

**Câu 35:** Cấu trúc nào dưới đây có ở tế bào thân sơ?

A. Ti thể.

B. Màng sinh chất.

C. Thể Golgi.

D. Lạp thể.

**Câu 36:** Loại cacbohidrat nào dưới đây không đảm nhiệm vai trò là nguồn dự trữ năng lượng?

A. Tinh bột.

B. Glicôgen.



C. Xenlulôzơ. D. Lactôzơ.

**Câu 37:** Nếu trong kì đầu của quá trình nguyên phân, một tế bào có 60 crômatit thì sau khi chu kì tế bào kết thúc, các tế bào con do nó sinh ra sẽ có số nhiễm sắc thể là:

A. 30. B. 20. C. 60. D. 15.

**Câu 38:** Một gen có 240 chu kì xoắn, tổng số nuclêôtit loại T với nuclêôtit loại khác chiếm 40% tổng số nuclêôtit của gen. Mạch 1 của gen có A chiếm 20%; X chiếm 25% tổng số nuclêôtit của mạch, số nuclêôtit trên mạch 2 của gen là:

A. 600A; 480T; 480G; 840X. B. 480A; 480T; 840G; 600X.  
C. 480A; 480T; 840X; 600G. D. 480A; 840T; 480G; 600X.

**Câu 39:** Prôtêin không có chức năng nào sau đây?

A. Thực hiện việc vận chuyển các chất, cơ cơ, thu nhận thông tin.  
B. Cấu trúc nên enzym, hooc môn, kháng thể.  
C. Cấu tạo nên chất nguyên sinh, các bào quan, màng tế bào.  
D. Lưu trữ và truyền đạt thông tin di truyền.

**Câu 40:** Đặc điểm cấu tạo của ARN khác với ADN là

A. có cấu trúc một mạch. B. đại phân tử, có cấu trúc đa phân.  
C. có liên kết hiđrô giữa các nuclêôtit. D. được cấu tạo từ nhiều đơn phân.

### ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	B	B	D	D	D	A	C	D	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	C	C	C	B	B	D	D	B	A
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	C	A	C	B	C	D	D	A	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
B	B	D	C	B	C	A	C	D	A

### 3. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 3

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2019-2020

MÔN: SINH HỌC, LỚP 10

(Thời gian làm bài 45 phút, không kể thời gian giao đề)

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT XUÂN

## I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Vitamin A được bán trên thị trường thường được đóng trong dạng viên nang có dầu.

Do

vitamin A

- A.** là lipit, không tan trong nước. **B.** là axitamin, tan trong dầu.  
**C.** là đường đơn, tan trong dầu. **D.** là nuclêôtit, không tan trong nước.

**Câu 2:** Giới sinh vật nào sau đây được cấu tạo bởi tế bào nhân sơ?

- A.** Nguyên sinh. **B.** Nấm. **C.** Khởi sinh. **D.** Thực vật.

**Câu 3:** Cacbohidrat là hợp chất hữu cơ chứa các nguyên tố

- A.** C, H, O, N, P. **B.** C, H, O.  
**C.** C, H, O, N. **D.** C, H, O, P.

**Câu 4:** Mọi cơ thể đều được cấu tạo bởi đơn vị cấu trúc cơ bản là

- A.** thành tế bào. **B.** mô.  
**C.** tế bào. **D.** các hệ cơ quan.

**Câu 5:** Khi rửa rau sống, cho thêm muối NaCl vào nước rửa rau nhằm

- A.** diệt vi khuẩn. **B.** làm cứng rau.  
**C.** làm sạch chất độc. **D.** oxi hóa chất độc.

**Câu 6:** Trên màng sinh chất có chứa các “đầu chuẩn”, “đầu chuẩn” được cấu tạo bằng hợp chất nào?

- A.** Cacbohidrat. **B.** Phôlipholipit.  
**C.** Glicôprôtêin. **D.** Axit béo.

**Câu 7:** Bào quan nào sau đây làm nhiệm vụ quang hợp?

- A.** Lục lạp thể. **B.** Bộ máy Gôngi.  
**C.** Ti thể. **D.** Lục lạp.

**Câu 8:** Trong các hợp chất sau đây, hợp chất nào **không** có cấu trúc đa phân?

- A.** Cacbohidrat. **B.** Lipit.  
**C.** Axit nuclêic. **D.** Prôtêin.

**Câu 9:** Một gen có chiều dài 4080Å, có tỉ lệ A/G=2/3. Mạch đơn thứ nhất của gen có số nuclêôtit loại A bằng 280, mạch đơn thứ 2 có số nuclêôtit loại G bằng 420.

Trong các phát biểu sau có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về gen trên?

(1) Khối lượng phân tử của gen là  $72 \times 10^4$  đvC.

(2) Số chu kì xoắn của gen bằng 120.

(3) Số liên kết hiđrô của gen là 3120.

(4) Số lượng nuclêôtit mỗi loại trên mạch thứ nhất của gen là: A = 280; T = 200; G = 300; X = 420.

A. 1.            B. 3.            C. 2.            D. 4.

**Câu 10:** Một gen có 3900 liên kết hiđrô, hiệu số giữa nuclêôtit loại G với nuclêôtit loại A bằng 10% tổng số nuclêôtit của gen đó. Tổng số nuclêôtit của gen là

A. 1200.            B. 2400.            C. 2040.            D. 3000.

**Câu 11:** Gen M ở sinh vật nhân thực có chiều khối lượng 450000 đvC, số chu kì xoắn có trên gen là

A. 75.            B. 1500.            C. 60.            D. 90.

**Câu 12:** Một gen có 1200 nuclêôtit, số nuclêôtit loại Adênin chiếm 20%, số nuclêôtit loại Guanin là

A. 240.            B. 360.            C. 480.            D. 960.

## II. PHẦN TỰ LUẬN

**Câu 13:**

a) Các hợp chất hữu cơ: Tinh bột, xenlulôzơ, prôtêin, ADN được cấu tạo từ những đơn phân nào?

b) Trình bày chức năng của cacbohidrat trong tế bào.

**Câu 14:**

a) Trình bày chức năng của lưới nội chất.

b) Kể tên các cấu trúc có ở tế bào thực vật mà không có trong tế bào động vật.

c) Trình bày ý nghĩa của việc nhuộm màu thành tế bào vi khuẩn.

## ĐÁP ÁN

### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

CÂU	Đ/A
1	A
2	C
3	B
4	C
5	A
6	C

7	D
8	B
9	D
10	D
11	A
12	B

## II. PHẦN TỰ LUẬN

### Câu 13:

a. Các hợp chất hữu cơ tinh bột, xenlulôzơ, prôtêin, ADN được cấu tạo từ những đơn phân nào?

Nội dung	Điểm
- Tinh bột cấu tạo từ đơn phân là glucôzơ	0,5
- xenlulôzơ cấu tạo từ đơn phân là glucôzơ	0,5
- Prôtêin cấu tạo từ đơn phân là axit amin	0,5
- ADN cấu tạo từ đơn phân là nuclêôtit	0,5

b. Trình bày chức năng của cacbohidrat trong tế bào

Nội dung	Điểm
- Cung cấp và dự trữ năng lượng	0,5
- Cấu trúc tế bào	0,5

### Câu 14:

a. Trình bày chức năng của lười nội chất.

Nội dung	Điểm
- Lười nội chất hạt: tổng hợp prôtêin	1,0
- Lười nội chất trơn: Tổng hợp lipit, chuyển hóa đường, giải độc	1,0

b. Kể tên các cấu trúc có ở tế bào thực vật mà không có trong tế bào động vật.

Nội dung	Điểm
- Lục lạp	0,5
- Thành tế bào	0,5
<i>(Học sinh thay một trong hai thành phần trên bằng không bào cũng cho điểm tối đa)</i>	

C. Trình bày ý nghĩa của việc nhuộm màu thành tế bào vi khuẩn.

Nội dung	Điểm
- Nhuộm màu thành tế bào vi khuẩn có thể phân biệt được vi khuẩn Gram dương và vi khuẩn Gram âm	0,5
- Có ý nghĩa trong y học, mỗi loại vi khuẩn mẫn cảm với loại kháng sinh khác nhau	0,5

#### 4. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 4

TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỖNH MÃN ĐẠT

KIỂM TRA SINH 10 CƠ BẢN  
BÀI THI: SINH 10 CƠ BẢN  
(Thời gian làm bài: 45 phút)

**Câu 1:** Cho các cấp tổ chức của thế giới sống sau đây:

1. quần xã
2. quần thể
3. cơ thể
4. hệ sinh thái
5. tế bào

Tính từ nhỏ đến lớn, trật tự các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống là:

- A. 5 → 3 → 1 → 2 → 4
- B. 5 → 3 → 2 → 1 → 4
- C. 5 → 2 → 3 → 1 → 4
- D. 5 → 2 → 3 → 4 → 1

**Câu 2:** Cho ví dụ sau đây: Dưới tác dụng của năng lượng ánh sáng mặt trời, tảo lục lấy khí cacbonic và sử dụng nước từ môi trường để tổng hợp chất dinh dưỡng nuôi cơ thể, đồng thời thải khí oxi ra ngoài.

Ví dụ trên thể hiện đặc điểm gì của tổ chức sống?

- A. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc
- B. Hệ thống mở
- C. Khả năng tự điều chỉnh
- D. Thế giới sống liên tục tiến hóa

**Câu 3:** Trong Sinh học, Giới là đơn vị phân loại:

- A. nhỏ nhất bao gồm các ngành sinh vật có chung những đặc điểm nhất định
- B. lớn nhất bao gồm các ngành sinh vật có chung những đặc điểm nhất định
- C. lớn nhất bao gồm các loài sinh vật có chung những đặc điểm nhất định
- D. lớn nhất bao gồm các ngành sinh vật giống nhau về các đặc điểm trên cơ thể

**Câu 4:** Điểm giống nhau giữa Nấm nhầy với Động vật nguyên sinh là:

- A. Có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ
- B. Sống dị dưỡng
- C. Có cấu tạo đa bào
- D. Tế bào nhân sơ

**Câu 5:** Cho những thông tin sau:

eLib.vn: Thư viện trực tuyến miễn phí

1. Sống dị dưỡng
2. Cơ thể đa bào
3. Thành tế bào cấu tạo bằng kitin
4. Cấu trúc dạng sợi
5. Khả năng phản ứng nhanh
6. Không có lục lạp

Có bao nhiêu thông tin đúng cho cả giới Nấm và giới Động vật?

- A. 2                                      B. 3                                      C. 4                                      D. 5

**Câu 6:** Những đặc điểm nào sau đây chỉ có ở giới Động vật mà *không* có ở giới Thực vật ?

- (1) Là sinh vật tự dưỡng nhờ quá trình quang hợp.
- (2) Gồm những sinh vật đa bào, nhân thực.
- (3) Có khả năng di chuyển nhờ các cơ quan vận động.
- (4) Có khả năng phản ứng rất nhanh, chính xác với các kích thích từ môi trường.
- (5) Chất dự trữ phổ biến là tinh bột.

Câu trả lời đúng là:

- A. (1), (2), (5).                      B. (2), (3), (4)                      C. (1), (5)                              D. (3), (4)

**Câu 7:** Về nguyên tố đa lượng, nội dung *sai* là:

- A. tham gia cấu tạo các đại phân tử hữu cơ
- B. đóng vai trò thứ yếu đối với sinh vật
- C. gồm các nguyên tố chính như: C, H, O, N
- D. chiếm tỉ lệ lớn hơn 0,01% khối lượng cơ thể sống

**Câu 8:** Phát biểu *không đúng* về đặc điểm cấu tạo của nước là:

- A. Trong phân tử nước phía oxy tích điện âm và phía hydro tích điện dương
- B. Trong phân tử nước H liên kết với O bằng liên kết cộng hóa trị.
- C. Nước có tính phân cực do đôi electron góp chung của hydro và oxy bị lệch về phía nguyên tử oxy
- D. Các phân tử nước liên kết với nhau bằng các liên kết hydro được hình thành giữa các nguyên tử oxy với nhau

**Câu 9:** Ở người, khi thiếu nguyên tố vi lượng nào sau đây có thể bị bệnh bướu cổ?

- A. Kẽm.                                      B. Sắt.                                      C. Đồng.                                      D. Iốt.

**Câu 10:** Cho các loại đường đôi (cột A) và sự liên kết giữa các loại đường đơn (cột B):

A	B	
I. Đường mía (saccarôzơ)	1. Glucôzơ + Glucôzơ	4. Galactôzơ + Ribôzơ
II. Đường sữa (lactôzơ)	2. Fructôzơ + Galactôzơ	5. Ribôzơ + Glucôzơ
	3. Glucôzơ + Fructôzơ	6. Glucôzơ + Galactôzơ

Hãy ghép cột A với cột B để được cấu tạo đúng của các loại đường đôi:

- A. I-3 ; II-6.                      B. I-1 ; II-4                      C. I-2 ; II-5                      D. I-4 ; II-6

**Câu 11:** Câu có nội dung đúng về chức năng của cacbohidrat là:

- A. Cacbohidrat liên kết với lipid tạo nên các phân tử glicôprôtêin là bộ phận cấu tạo nên các thành phần khác nhau của tế bào.
- B. Kitin cấu tạo nên thành tế bào nấm và bộ xương ngoài của nhiều loài côn trùng.
- C. Tinh bột là nguồn dự trữ năng lượng ở động vật.
- D. Xenlulôzơ là nguồn năng lượng dự trữ trong cây.

**Câu 12:** Phôspholipit được cấu tạo bởi:

- A. 1 phân tử glixêrol liên kết với 1 phân tử axit béo và 1 nhóm photphat.
- B. 1 phân tử glixêrol liên kết với 2 phân tử axit béo và 1 nhóm photphat.
- C. 2 phân tử glixêrol liên kết với 1 phân tử axit béo và 1 nhóm photphat.
- D. 2 phân tử glixêrol liên kết với 1 phân tử axit béo và 2 nhóm photphat.

**Câu 13:** Chức năng chính của mỡ là:

- A. cấu tạo nên một số sắc tố và vitamin                      B. cấu tạo nên các hoocmôn
- C. cấu tạo nên các loại màng của tế bào                      D. dự trữ năng lượng

**Câu 14:** Cấu trúc bậc 2 của prôtêin là:

- A. chuỗi gồm các axit amin liên kết lại với nhau
- B. vài chuỗi polipeptit liên kết với nhau theo cấu trúc không gian
- C. chuỗi polipeptit ở cấu trúc không gian ba chiều
- D. chuỗi polipeptit co xoắn hoặc gấp nếp

**Câu 15:** Chức năng xúc tác của prôtêin thể hiện ở hoạt động nào sau đây?

- A. collagen tham gia cấu tạo nên mô liên kết
- B. enzym prôtêaza phân giải prôtêin
- C. kháng thể giúp cơ thể tiêu diệt mầm bệnh
- D. hêmôglôbin tham gia vận chuyển khí O<sub>2</sub> và CO<sub>2</sub>

**Câu 16:** Các nuclêotit khác nhau trong phân tử ADN có thành phần nào giống nhau ?

- A. Nhóm photphat và bazơ nitơ
- B. Đường pentôzơ và bazơ nitơ
- C. Nhóm photphat và đường pentôzơ**
- D. Nhóm photphat, đường pentôzơ và bazơ nitơ

**Câu 17:** Phân tử mARN có cấu trúc:

- A. mạch đơn với các vùng xoắn kép cục bộ
- B. 3 thùy giúp liên kết với ribôxôm
- C. chuỗi polinuclêôtit dưới dạng mạch thẳng**
- D. chuỗi xoắn kép có đường kính vòng xoắn là 2 nm

**Câu 18:** Chức năng của ADN là:

- A. Kết hợp với prôtêin cấu tạo nên ribôxôm
- B. Truyền thông tin di truyền từ nhân ra ngoài tế bào chất
- C. Vận chuyển axít amin đến ribôxôm trong quá trình tổng hợp protein.
- D. Lưu trữ, bảo quản, truyền đạt thông tin di truyền**

**Câu 19:** Một đoạn ADN có số nuclêôtit là 2400, số nuclêôtit loại G bằng 1,5 lần số nuclêôtit loại T. Số lượng nuclêôtit loại A và X lần lượt là:

- A. 1440 và 960
- B. 960 và 1440
- C. 720 và 480
- D. 480 và 720**

**Câu 20:** Một gen có chiều dài 0,408 $\mu$ m và số cặp (G - X) gấp đôi số cặp (A - T). Số liên kết hiđrô trong gen là:

- A. 6400
- B. 2800
- C. 2400
- D. 3200**

**Câu 21:** Đặc điểm có ở tế bào nhân thực mà không có ở tế bào nhân sơ là:

- A. có hệ thống nội màng**
- B. cấu tạo đơn giản
- C. có nhiều bào quan chưa có màng bao bọc
- D. có thành peptidôglican

**Câu 22:** Ghép nội dung thành phần (cột A) với chức năng (cột B) cho phù hợp ở vi khuẩn:

Thành phần (A)	Chức năng (B)
I. Thành tế bào	1. Bám dính lên bề mặt tế bào chủ.
II. Lông	2. Bảo vệ tế bào.
III. Roi	3. Điều khiển di chuyển.
	4. Quy định hình dạng tế bào.

- A. I-2,4 ; II-1 ; III-3.
- B. I-2,4 ; II-3 ; III-1.
- C. I-1,4 ; II-2 ; III-3.
- D. I-4 ; II-1,3 ; III-2.**

**Câu 23:** Thuốc kháng sinh có khả năng tiêu diệt đặc hiệu đối với vi khuẩn là Gram dương hoặc



Gram âm. Để sử dụng thuốc kháng sinh có hiệu quả, cần phân tích thành phần nào của vi khuẩn?

- A. Cấu trúc màng sinh chất. B. Cấu trúc và thành phần hóa học của thành tế bào.  
 C. Vật chất di truyền. D. Cấu trúc lông và roi.

**Câu 24:** Hai vi khuẩn có dạng khối cầu với đường kính lần lượt là 0,1  $\mu\text{m}$  và 0,8  $\mu\text{m}$ . Nhận định nào sau đây đúng về hai vi khuẩn trên?

- A. Vi khuẩn có đường kính là 0,1  $\mu\text{m}$  có tốc độ trao đổi chất nhanh hơn.  
 B. Vi khuẩn có đường kính là 0,8  $\mu\text{m}$  có tốc độ trao đổi chất nhanh hơn.  
 C. Hai tế bào vi khuẩn này có tốc độ trao đổi chất như nhau.  
 D. Vi khuẩn có đường kính là 0,8  $\mu\text{m}$  sinh sản nhanh hơn.

**Câu 25:** Cấu trúc nào giúp phân biệt được tế bào thực vật với tế bào động vật:

- A. Riboxom B. Nhân C. Lục lạp D. Ti thể

**Câu 26:** Trong các tế bào sau, tế bào nào có nhiều lưới nội chất hạt nhất? Vì sao?

- (1) Bạch cầu. (2) Hồng cầu.  
 (3) Tế bào thần kinh. (4) Tế bào cơ tim.  
 A. (1), vì bạch cầu sản sinh nhiều protein nhất. B. (2), vì hồng cầu vận chuyển khí liên tục.  
 C. (3), vì não bộ làm việc liên tục. D. (4), vì các tế bào cơ tim hoạt động rất tích cực.

**Câu 27:** Số lượng lớn các ribôxôm được quan sát thấy trong các tế bào chuyên hóa trong việc sản xuất:

- A. lipit B. Pôlisaccarit C. Prôtêin D. Glucôzơ

**Câu 28:** Lục lạp là bào quan có ở .....(1)..... làm nhiệm vụ quang hợp. Lục lạp chứa .....(2)..... có khả năng chuyển đổi .....(3)..... thành .....(4)..... cung cấp cho các hoạt động sống của tế bào.

Nội dung đúng của (1), (2), (3) và (4) là:

- A. (1) - tế bào thực vật; (2) - diệp lục; (3) - năng lượng ánh sáng; (4) - năng lượng hóa học.  
 B. (1) - tế bào động vật; (2) - diệp lục; (3) - năng lượng ánh sáng; (4) - năng lượng hóa học.  
 C. (1) - tế bào thực vật; (2) - các mào; (3) - năng lượng ánh sáng; (4) - năng lượng hóa học.  
 D. (1) - tế bào động vật; (2) - diệp lục; (3) - năng lượng hóa học; (4) - năng lượng ánh sáng

**Câu 29:** Ti thể có đặc điểm:

- A. có hệ gen và ribôxôm riêng nên hoạt động hoàn toàn không liên quan với tế bào

- B. màng trong chứa nhiều enzym hô hấp tham gia chuyển hóa chất hữu cơ thành ATP**  
**C. có 2 lớp màng với nhiều enzym hô hấp định vị ở màng ngoài tham gia vào quá trình dị hóa**  
**D. màng ngoài gấp khúc, màng trong không gấp khúc tạo các mào chứa ADN và ribôxôm**

**Câu 30:** Nội dung nào đúng về chức năng của một số thành phần ở màng sinh chất:

- A. Colesteron giúp màng có tính mềm dẻo linh động**  
**B. Prôtêin thụ thể giúp tế bào thu nhận thông tin để đưa ra đáp ứng thích hợp**  
**C. Glicôprôtêin là “dấu chuẩn” đặc trưng cho từng loại tế bào, giúp tế bào chọn lọc các chất khi chúng vận chuyển qua màng**  
**D. Photpholipit cho các chất phân cực và tích điện đi qua**

## 5. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 5

**TRƯỜNG THPT LÊ XOAY**

**Năm học: 2019 – 2020**

---o0o---

**ĐỀ THI GIỮA HK1 LẦN 2**

**MÔN: SINH HỌC 10**

*Thời gian làm bài: 50 phút*

*(40 câu trắc nghiệm)*

**Câu 1:** Loại bào quan không có ở tế bào động vật là

- A. lục lạp.    B. không bào.    C. lizôxôm.    D. ti thể.

**Câu 2:** Điểm giống nhau về cấu tạo giữa lục lạp và ti thể trong tế bào là

- A. có chứa sắc tố quang hợp.  
 B. được bao bọc bởi lớp màng kép.  
 C. có chứa nhiều loại enzym hô hấp.  
 D. có chứa nhiều phân tử ATP.

**Câu 3:** Trong môi trường nhược trương, tế bào có nhiều khả năng bị vỡ ra là

- A. tế bào nấm men.    B. tế bào hồng cầu.  
 C. tế bào thực vật.    D. tế bào vi khuẩn.

**Câu 4:** Testosteron được tổng hợp ở bào quan nào dưới đây?

- A. Ribôxôm.    B. Lưới nội chất hạt.  
 C. Bộ máy gôngi.    D. Lưới nội chất trơn.

**Câu 5:** Cấu trúc quyết định tính đặc thù và đa dạng của phân tử prôtêin là

- A. cấu trúc bậc 3.    B. cấu trúc bậc 4.  
 C. cấu trúc bậc 2.    D. cấu trúc bậc 1.

**Câu 6:** Để cố định một phân tử CO<sub>2</sub> theo chu trình Calvin cần nguyên liệu từ pha sáng tương đương

A. 3ATP, 2NADPH.                    B. 18ATP, 12NADPH.

C. 12ATP, 18NADPH.                D. 18ATP, 12NADPH.

**Câu 7:** Một tế bào lưỡng bội của ruồi giấm (có bộ nhiễm sắc thể  $2n = 8$ ) đang ở kì cuối của quá trình nguyên phân. Số crômatit có trong tế bào này tại thời điểm quan sát là bao nhiêu?

A. 0.                    B. 16.                    C. 8.                    D. 24.

**Câu 8:** Loại vitamin nào dưới đây không phải là một dạng lipid?

A. Vitamin E.                    B. Vitamin D.                    C. Vitamin C.                    D. Vitamin A.

**Câu 9:** Tế bào gan của người nào sau đây có lưới nội chất trơn phát triển mạnh nhất?

A. Người bình thường.                    B. Người bị đau tim.  
C. Người bị đau răng.                    D. Người nghiện rượu.

**Câu 10:** Cấu trúc của thimin khác với uraxin về

A. loại đường và loại bazơ.                    B. loại đường và loại axit photphoric.  
C. liên kết giữa axit photphoric với đường.                    D. vị trí liên kết giữa đường với bazơ.

**Câu 11:** Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Khí ôxi được giải phóng trong pha tối.  
B. Ôxi sinh ra trong quang hợp có nguồn gốc từ nước.  
C. ATP sinh ra trong quang hợp là nguồn năng lượng lớn cung cấp cho tế bào.  
D. Đường được tạo ra trong pha sáng.

**Câu 12:** Cho các đặc điểm sau:

(1). không có màng nhân. (2). không có các bào quan có màng bao bọc.  
(3). không có hệ thống nội màng. (4). không có thành tế bào bằng peptidoglican.

Trong các đặc điểm trên, có bao nhiêu đặc điểm là chung cho tất cả các tế bào nhân sơ?

A. 4.                    B. 2.                    C. 3.                    D. 1.

**Câu 13:** Trong tế bào mARN có vai trò

A. lưu giữ, bảo quản thông tin di truyền.  
B. tổ hợp với prôtêin cấu tạo nên nhiễm sắc thể.  
C. truyền thông tin di truyền từ ADN đến prôtêin.  
D. vận chuyển axit amin.

**Câu 14:** Một gen dài 425 nm và có tổng số nuclêôtit loại A và nuclêôtit loại T chiếm 40% tổng số nuclêôtit của gen. Mạch 1 của gen có 220 nuclêôtit loại T và số nuclêôtit loại X chiếm 20% tổng số nuclêôtit của mạch. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Mạch 1 của gen có  $G/X = 2/3$ .

II. Mạch 2 của gen có  $(A + X)/(T + G) = 53/72$ .

III. Mạch 2 của gen có  $G/T = 25/28$ .

IV. Mạch 2 của gen có 20% số nuclêôtit loại X.

A. 4.            B. 3.            C. 1.            D. 2.

**Câu 15:** Nếu ăn quá nhiều prôtêin (chất đạm), cơ thể có thể mắc bệnh gì sau đây?

A. Bệnh mỡ máu.            B. Bệnh gút.  
C. Bệnh đau dạ dày.            D. Bệnh tiểu đường.

**Câu 16:** Cho một số hoạt động sau:

- (1) Tổng hợp prôtêin.
- (2) Tế bào thận vận chuyển chủ động urê và glucôzơ qua màng.
- (3) Tim co bóp đẩy máu chảy vào động mạch.
- (4) Vận động viên đang nâng quả tạ.
- (5) Vận chuyển nước qua màng sinh chất.

Trong các hoạt động trên, có bao nhiêu hoạt động tiêu tốn năng lượng ATP?

A. 5.            B. 4.            C. 3.            D. 2.

**Câu 17:** Những đặc điểm nào sau đây thuộc về pha sáng?

- (1) Diễn ra ở các tilacoit.
- (2) Diễn ra trong chất nền của lục lạp.
- (3) Là quá trình ôxi hóa nước.
- (4) Nhất thiết phải có ánh sáng.

Những phương án trả lời đúng là

A. (1), (2), (4).            B. (2), (3), (4).  
C. (1), (2), (3).            D. (1), (3), (4).

**Câu 18:** Cho các nhận định sau:

- (1) Tinh bột là chất dự trữ trong cây.
- (2) Glicôgen là chất dự trữ trong cơ thể động vật và nấm.
- (3) Glucôzơ là nguyên liệu chủ yếu cho hô hấp tế bào.
- (4) Saccarôzơ là loại đường vận chuyển trong cây.
- (5) Pentôzơ là loại đường tham gia vào cấu tạo ADN và ARN.

Trong các nhận định trên có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của cacbohidrat trong tế bào và

cơ thể?

- A. 3            B. 4.            C. 2.            D. 5.

**Câu 19:** Trong các nhận xét sau về enzym và vai trò của enzym, nhận xét nào không đúng?

- A. Các chất trong tế bào được chuyển hóa từ chất này sang chất khác thông qua hàng loạt phản ứng có xúc tác của enzym.  
B. Khi cần tổng hợp nhanh một chất nào đó với số lượng lớn, tế bào có thể sử dụng nhiều loại enzym khác nhau.  
C. Tế bào có thể điều hòa quá trình trao đổi chất thông qua việc điều khiển tổng hợp enzym hoặc ức chế hoặc hoạt hóa enzym.  
D. Các yếu tố môi trường như nhiệt độ, độ pH... ảnh hưởng đến hoạt tính của enzym.

**Câu 20:** Người ta chia vi khuẩn thành 2 loại là vi khuẩn Gram âm và vi khuẩn Gram dương dựa vào

- A. cấu trúc và thành phần hóa học của thành tế bào.  
B. cấu trúc của nhân tế bào.  
C. số lượng plasmid trong tế bào chất của vi khuẩn.  
D. khả năng chịu nhiệt của vi khuẩn.

**Câu 21:** Cho các phương thức vận chuyển các chất sau:

- (1). Khuếch tán trực tiếp qua kép photpholipit.
- (2). Khuếch tán qua kênh prôtêin xuyên màng.
- (3). Nhờ sự biến dạng của màng tế bào.
- (4). Nhờ kênh prôtêin đặc hiệu và tiêu hao ATP.

Trong các phương thức trên, có mấy phương thức để đưa các chất tan vào trong tế bào?

- A. 4.            B. 2.            C. 1.            D. 3.

**Câu 22:** Khi nói về việc vận chuyển các chất qua màng tế bào phát biểu nào dưới đây không đúng?

- A. Các phân tử nước thẩm thấu vào bên trong tế bào nhờ kênh prôtêin đặc biệt gọi là “aquaporin”.  
B. Glucôzơ khuếch tán vào trong tế bào qua kênh prôtêin xuyên màng.  
C. Các ion  $\text{Na}^+$ ,  $\text{Ca}^{2+}$  vào trong tế bào bằng cách biến dạng màng sinh chất.  
D.  $\text{CO}_2$  và  $\text{O}_2$  khuếch tán vào trong tế bào qua lớp kép photpholipit.

**Câu 23:** Cho các nhận định sau về prôtêin, nhận định nào đúng?

- A. Prôtêin mất chức năng sinh học khi cấu trúc không gian bị phá vỡ.



B. Sinh trưởng của cây xanh.

C. Sự co cơ ở động vật.

D. Sự vận chuyển chủ động các chất qua màng sinh chất.

**Câu 30:** Năng lượng tích lũy trong các liên kết hóa học của các chất hữu cơ trong tế bào được gọi là

A. hóa năng.            B. nhiệt năng.            C. điện năng.            D. động năng.

**Câu 31:** Tập hợp nhiều tế bào cùng loại và cùng thực hiện một chức năng nhất định tạo thành

A. cơ thể.            B. mô.            C. hệ cơ quan.            D. cơ quan.

**Câu 32:** Chất hữu cơ trực tiếp đi vào chu trình Crep là

A. axit piruvic.            B. axetyl – CoA.            C. đường glucôzơ.            D. NADH.

**Câu 33:** Cơ thể người không tiêu hóa được loại đường nào dưới đây?

A. Lactôzơ.            B. Saccarôzơ.  
C. Mantôzơ.            D. Xenlulôzơ.

**Câu 34:** Từ 1 phân tử A xetyl – CoA qua chu trình Crep tạo được

A. 2ATP, 8NADH, 2FADH<sub>2</sub>, 6CO<sub>2</sub>.  
B. 2ATP, 6NADH, 2FADH<sub>2</sub>, 4CO<sub>2</sub>.  
C. 1ATP, 3NADH, 1FADH<sub>2</sub>, 2CO<sub>2</sub>.  
D. 1ATP, 3NADH, 2FADH<sub>2</sub>, 4CO<sub>2</sub>.

**Câu 35:** Cấu trúc nào dưới đây có ở tế bào thân sơ?

A. Ti thể.            B. Màng sinh chất.            C. Thể Gôngi.            D. Lạp thể.

**Câu 36:** Loại cacbohidrat nào dưới đây không đảm nhiệm vai trò là nguồn dự trữ năng lượng?

A. Tinh bột.            B. Glicôgen.  
C. Xenlulôzơ.            D. Lactôzơ.

**Câu 37:** Nếu trong kì đầu của quá trình nguyên phân, một tế bào có 60 crômatit thì sau khi chu kì tế bào kết thúc, các tế bào con do nó sinh ra sẽ có số nhiễm sắc thể là:

A. 30.            B. 20.            C. 60.            D. 15.

**Câu 38:** Một gen có 240 chu kì xoắn, tổng số nuclêôtit loại T với nuclêôtit loại khác chiếm 40% tổng số nuclêôtit của gen. Mạch 1 của gen có A chiếm 20%; X chiếm 25% tổng số nuclêôtit của mạch, số nuclêôtit trên mạch 2 của gen là:

A. 600A; 480T; 480G; 840X.            B. 480A; 480T; 840G; 600X.

C. 480A; 480T; 840X; 600G.

D. 480A; 840T; 480G; 600X.

**Câu 39:** Prôtêin không có chức năng nào sau đây?

A. Thực hiện việc vận chuyển các chất, cơ cơ, thu nhận thông tin.

B. Cấu trúc nên enzym, hooc môn, kháng thể.

C. Cấu tạo nên chất nguyên sinh, các bào quan, màng tế bào.

D. Lưu trữ và truyền đạt thông tin di truyền.

**Câu 40:** Đặc điểm cấu tạo của ARN khác với ADN là

A. có cấu trúc một mạch.

B. đại phân tử, có cấu trúc đa phân.

C. có liên kết hiđrô giữa các nuclêôtit.

D. được cấu tạo từ nhiều đơn phân.

### ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	B	B	D	D	D	A	C	D	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	C	C	C	B	B	D	D	B	A
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	C	A	C	B	C	D	D	A	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
B	B	D	C	B	C	A	C	D	A

### 6. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 6

TRƯỜNG THPT BẾN TRE

ĐỀ KIỂM TRA 45' HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019-2020

MÔN: Sinh học - lớp 10

Thời gian làm bài: 45 phút

**TRẮC NGHIỆM:** hãy chọn đáp án đúng nhất:

**Câu 1:** Các cấp tổ chức sống cơ bản gồm:

A. Nguyên tử- phân tử- tế bào- cơ thể- quần thể- quần xã- HST- sinh quyển

B. Phân tử- nguyên tử- cơ thể- quần thể- quần xã- HST- sinh quyển

C. Cơ thể- quần thể- quần xã- HST- sinh quyển

D. Nguyên tử- phân tử- cơ thể- quần thể- quần xã- hệ sinh thái- sinh quyển

**Câu 2:** Thế giới sinh vật phân loại thành các đơn vị theo trình tự nhỏ dần là:

A. Loài- chi- họ- bộ- lớp- ngành- giới

B. Lớp – ngành - bộ - họ - chi - giống - loài



- C. Giới – ngành - lớp - bộ - họ
- D. Giới – ngành - lớp - bộ - họ - chi - loài

**Câu 3: Whittaker và Margulis chia thế giới sinh vật thành:**

- A. Giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Thực vật và giới Động vật
- B. Giới Nguyên sinh, giới Thực vật và giới Động vật
- C. Giới Khởi sinh, giới Nấm, giới Thực vật và giới Động vật
- D. Giới Nấm, giới Thực vật và giới Động vật

**Câu 4: Các nguyên tố đại lượng chính gồm:**

- A. C, H, O, N, P
- B. C, H, O, N, Ca
- C. C, H, O, N, P
- D. C, H, O, N

**Câu 5: Những chất hữu cơ có vai trò quan trọng trong tế bào:**

- A. Cacbohidrat, lipit, prôtêin, axit nuclêic
- B. Cacbohidrat, lipit, axit nuclêic, glicôgen
- C. Cacbohidrat, lipit, prôtêin, xenlulôzơ
- D. Cacbohidrat, axit amin, prôtêin, axit nuclêic

**Câu 6: Đặc tính chung của các phân tử Lipit là:**

- A. Tan rất tốt trong nước, không tan trong dung môi hữu cơ
- B. Tan rất tốt trong dung môi hữu cơ, không tan trong nước
- C. Kị nước và tan trong dung môi hữu cơ
- D. Kị nước và tan trong nước

**Câu 7: Khi đưa tế bào sống vào ngăn đá tủ lạnh thì hậu quả gì sẽ xảy ra?**

- A. Nước trong tế bào đóng băng và giảm thể tích
- B. Tế bào bị co nguyên sinh chất
- C. Nước trong tế bào đóng băng sẽ phá vỡ cấu trúc tế bào
- D. Tế bào bị co nguyên sinh chất và tế bào bị phá vỡ

**Câu 8: Một đoạn phân tử ADN có số cặp nucleotit loại A-T là 33 cặp và số cặp G-X là 25 cặp. Hỏi số liên kết hidro trên đoạn phân tử ADN này là bao nhiêu?**

- A. 129
- B. 249
- C. 149
- D. 141

**II. TỰ LUẬN:**

**Câu 1:**

- a. Trình bày chức năng của prôtêin?
- b. So sánh ADN và ARN?

**Câu 2:** Kích thước nhỏ mang lại lợi thế gì cho các tế bào nhân sơ? Các biện pháp phòng chống và chữa bệnh khi mắc phải các bệnh do vi khuẩn gây ra?

**Câu 3:**

a. Nêu các điểm khác biệt về cấu trúc giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

b. Một gen có 120 chu kì xoắn. Trên mạch 1 của gen có số Nu loại A chiếm 20%, loại T chiếm 10% số Nu của mạch. Trên mạch 2 của gen có số Nu loại X chiếm 30% số Nu của mạch.

-Tính tỷ lệ % và số lượng Nu từng loại trên mỗi mạch đơn?

-Tính chiều dài và số liên kết hóa trị của gen?

### ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

ĐÁP ÁN	ĐIỂM
<b>I, TRẮC NGHIỆM:</b> 1A, 2D, 3A, 4D, 5A, 6C, 7C, 8D	1 câu đúng 0,25đ
<b>II, TỰ LUẬN:</b> <b>Câu 1:</b> a. Chức năng của protein:	
Cấu tạo nên tế bào và cơ thể. Ví dụ: collagen,...	0,25
Dự trữ các aa. Ví dụ: casein (pr sữa),...	0,25
Vận chuyển các chất. Ví dụ: hemoglobin,...	0,25
Bảo vệ cơ thể. Ví dụ: các kháng thể,...	0,25
Thu nhận thông tin. Ví dụ: các thụ thể trong tế bào,...	0,25
Xúc tác cho các phản ứng hóa sinh. Ví dụ: các enzym,...	0,25
<b>b.* Giống nhau:</b> Đều là axit nucleic (các đại phân tử có khối lượng và kích thước lớn), cấu tạo từ các đơn phân là nucleotit, tham gia vào quá trình sinh tổng hợp protein.	0,25
Đều có các liên kết photphodiester	0,25

<b>Khác nhau:</b>			
	<b>ADN</b>	<b>ARN</b>	
Cấu trúc	- 2 mạch - 4 loại đơn phân: A, T, G, X	- 1 mạch - 4 loại đơn phân: A, U, G, X	0,25
	- 1 nu gồm 3 TP: + Đường đêoxiribo (C <sub>5</sub> H <sub>10</sub> O <sub>4</sub> ) + Nhóm photphat + 1 trong 4 loại bazơ nitơ: A (T, G, X)	- 1 nu gồm 3 TP: + Đường ribo (C <sub>5</sub> H <sub>10</sub> O <sub>5</sub> ) + Nhóm photphat + 1 trong 4 loại bazơ nitơ: A (U, G, X)	0,25
	- Có 2 loại liên kết hóa học: Liên kết photphodiester và liên kết hidro	- Chủ yếu 1 loại liên kết hóa học: Liên kết photphodiester	0,25
Chức năng	Mang, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền	- Gồm 3 loại: mARN, tARN, rARN Mỗi loại ARN thực hiện 1 chức năng + mARN: truyền thông tin + tARN: vận chuyển aa + rARN: kết hợp với protein tạo ribosom.	0,25
<b>Câu 2:</b> Kích thước nhỏ mang lại cho tế bào nhân sơ các lợi thế sau: Kích thước tế bào nhỏ -> tỉ lệ S/V sẽ lớn giúp tế bào trao đổi chất với môi trường một cách nhanh chóng			0,25  0,25

-> tế bào sinh trưởng và sinh sản nhanh trong 1 khoảng thời gian ngắn.	0,5										
Các biện pháp phòng và chữa bệnh do vi khuẩn gây ra: Giữ gìn, bảo vệ môi trường sống: + dọn vệ sinh nhà ở, ngõ xóm,... + ko để ao tù, nước đọng,.....	0,25										
Ăn uống sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	0,25										
Uống thuốc kháng sinh.	0,25										
Đi khám bệnh và làm theo chỉ dẫn của bác sĩ.	0,25										
<b>Câu 3:</b> a. (1đ)											
<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Tế bào nhân sơ</th> <th>Tế bào nhân thực</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>-Kích thước nhỏ</td> <td>-Kích thước lớn</td> </tr> <tr> <td>-Cấu trúc đơn giản</td> <td>-Cấu trúc phức tạp</td> </tr> <tr> <td>-ADN có 1 phân tử và nhân chưa có màng bao bọc gọi là vùng nhân</td> <td>-Có nhiều phân tử ADN, nhân được bao bọc bởi màng nhân nên được gọi là nhân hoàn chỉnh.</td> </tr> <tr> <td>-Không có các bào quan có màng bao bọc, không có hệ thống nội màng.</td> <td>-Có các bào quan có màng bao bọc, có hệ thống nội màng.</td> </tr> </tbody> </table>	Tế bào nhân sơ	Tế bào nhân thực	-Kích thước nhỏ	-Kích thước lớn	-Cấu trúc đơn giản	-Cấu trúc phức tạp	-ADN có 1 phân tử và nhân chưa có màng bao bọc gọi là vùng nhân	-Có nhiều phân tử ADN, nhân được bao bọc bởi màng nhân nên được gọi là nhân hoàn chỉnh.	-Không có các bào quan có màng bao bọc, không có hệ thống nội màng.	-Có các bào quan có màng bao bọc, có hệ thống nội màng.	0,25
Tế bào nhân sơ	Tế bào nhân thực										
-Kích thước nhỏ	-Kích thước lớn										
-Cấu trúc đơn giản	-Cấu trúc phức tạp										
-ADN có 1 phân tử và nhân chưa có màng bao bọc gọi là vùng nhân	-Có nhiều phân tử ADN, nhân được bao bọc bởi màng nhân nên được gọi là nhân hoàn chỉnh.										
-Không có các bào quan có màng bao bọc, không có hệ thống nội màng.	-Có các bào quan có màng bao bọc, có hệ thống nội màng.										
	0,5										
	0,25										
	0,5										
	0,25										
b.(2đ)- $N = 120 \times 20 = 2400$ (nu) $\Rightarrow N/2 = 1200$											
$A_1 = T_2 = 20\% = 20\% \times 1200 = 240$ (nu)	0,25										
$T_1 = A_2 = 10\% = 10\% \times 1200 = 120$ (nu)	0,25										
$G_1 = X_2 = 30\% = 30\% \times 1200 = 360$ (nu)											
$X_1 = G_2 = 40\% = 40\% \times 1200 = 480$ (nu)	0,25										

- $L = N/2 \times 3.4 = 1200 \times 3.4 = 4080 \text{ A}^0$	0,25
Số liên kết hóa trị: $2 \times (N-1) = 2 \times (2400-1) = 4798$	0,25

## 7. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 7

TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2019- 2020

MÔN THI: SINH HỌC 10

Thời gian làm bài 45 phút không kể thời gian phát đề  
(32 câu trắc nghiệm)

**Câu 1:** Các loài sinh vật mặc dù rất khác nhau nhưng chúng vẫn có đặc điểm chung là vì:

- A. chúng sống trong những môi trường giống nhau.
- B. chúng đều được cấu tạo từ tế bào.
- C. chúng đều có chung một tổ tiên.
- D. chúng đều được cấu tạo từ các nguyên tố hóa học.

**Câu 2:** Thế giới sinh vật được phân loại thành các đơn vị theo trình tự như sau:

- A. giới → ngành → lớp → bộ → loài → chi → họ.
- B. giới → ngành → lớp → bộ → họ → chi → loài.
- C. giới → họ → lớp → bộ → ngành → chi → loài.
- D. giới → ngành → bộ → lớp → họ → chi → loài.

**Câu 3:** Đặc điểm cấu tạo có ở giới thực vật mà không có ở giới nấm là :

- A. Tế bào có 3 thành phần là màng sinh chất, tế bào chất và nhân.
- B. Cơ thể đa bào
- C. Tế bào có nhân chuẩn
- D. Tế bào có thành xenlulôzơ và chức nhiều lục lạp

**Câu 4:** Tảo lục đa bào nguyên thủy là tổ tiên của giới nào?

- A. Giới nguyên sinh.      B. Giới nấm.      C. Giới động vật.      D. Giới thực vật.

**Câu 5:** Sinh vật nhân sơ, cơ thể đơn bào, kích thước nhỏ bé, môi trường sống đa dạng, sống dị dưỡng hay tự dưỡng là đặc điểm của những sinh vật thuộc

- A. Giới Khởi sinh.      B. Giới Động vật.      C. Giới Nấm.      D. Giới Nguyên sinh.

**Câu 6:** Các chất nào là axit nuclêic?

- A. ARN và prôtein.      B. ARN và các bazơ nitơ.
- C. ADN và ARN.      D. ADN và HCl.

**Câu 7:** Thứ tự nào dưới đây là đúng trật tự từ thấp đến cao của các ngành trong giới động vật?

- A. Thân lỗ, chân khớp, ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt, thân mềm, da gai, động vật có dây sống.
- B. Thân lỗ, ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt, thân mềm, da gai, chân khớp, động vật có dây sống.
- C. Thân lỗ, thân mềm, giun dẹp, giun tròn, giun đốt, ruột khoang, chân khớp, da gai, động vật có dây sống.
- D. Thân lỗ, ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt, thân mềm, chân khớp, da gai, động vật có dây sống.

**Câu 8:** Nấm nhày không được xếp vào giới nấm vì

- A. chúng không có thành bằng kitin giống như giới nấm
- B. chúng là sinh vật đơn bào còn giới nấm là sinh vật đa bào.
- C. chúng là sinh vật dị dưỡng còn giới nấm là sinh vật tự dưỡng.
- D. chúng là sinh vật tự dưỡng còn giới nấm là sinh vật dị dưỡng.

**Câu 9:** Đoạn ADN gồm 2400 nuclêôtit trong đó T chiếm 20% thì

- A.  $A = T = 600, G = X = 900$
- B.  $A = T = 480, G = X = 720$
- C.  $A = T = 720, G = X = 480$
- D.  $A = T = 900, G = X = 600$

**Câu 10:** Sinh vật nhân thực, đa bào, tự dưỡng, sống cố định là đặc điểm của các sinh vật thuộc

- A. Giới khởi sinh.    B. Giới nấm.    C. Giới thực vật    D. Giới động vật.

Câu 11: Giới nấm có thành tế bào là

- A. Kitin    B. Xenlulozơ    C. Peptidoglycan.    D. Glicogen.

**Câu 12:** Cho các nhận định sau:

Bao gồm sinh vật nhân sơ, cơ thể đơn bào hoặc đa bào, cấu trúc dạng sợi

Cơ thể không có diệp lục, phần lớn thành tế bào bằng kitin.

Hình thức sinh sản hữu tính và vô tính bằng bào tử.

Dinh dưỡng dị dưỡng theo kiểu hoại sinh, cộng sinh, kí sinh.

Các nhận định đúng khi nói về giới nấm là

- A. 1,2,4    B. 1,3,4    C. 1,2,3    D. 2,3,4

**Câu 13:** Điều nào dưới đây là sai khi nói về tế bào?

- A. Là đơn vị chức năng của tế bào sống

- B. Là đơn vị cấu tạo cơ bản của sự sống
- C. Được cấu tạo từ các mô.
- D. Được cấu tạo từ các phân tử, đại phân tử và bào quan

**Câu 14:** Cho các tập hợp sinh vật sau:

- Tập hợp cây trên một quả đồi ở Phú Thọ.
- Tập hợp ốc bươu vàng trong một ruộng lúa.
- Tập hợp chim sẻ đậu trên cửa sổ.
- Tập hợp con cá ở Hồ Gươm

Những tập hợp sinh vật là quần thể gồm.

- A. 1, 2.      B. 2,3.C. 3, 4.      D. 1,3

**Câu 15:** Nhóm sinh vật có nhân thực gồm

- A. vi khuẩn, vi khuẩn lam.    B. nấm men, thực vật.
- C. vi khuẩn, động vật.      D. vi khuẩn, nấm men.

**Câu 16:** Địa y được hình thành do sự cộng sinh giữa

- A. Nấm nhầy và tảo hoặc vi khuẩn lam.      B. Nấm và động vật nguyên sinh.
- C. Nấm và tảo hoặc vi khuẩn lam.      D. Nấm nhầy và tảo lục đa bào nguyên thủy.

**Câu 17:** Điểm giống nhau của các sinh vật thuộc giới nguyên sinh, giới thực vật và giới động vật là :

- A. Cơ thể đều có cấu tạo đa bào.      B. Tế bào cơ thể đều có nhân sơ.
- C. Cơ thể đều có cấu tạo đơn bào.      D. Tế bào cơ thể đều có nhân thực.

**Câu 18:** Loại nuclêôtit nào sau đây không thể xuất hiện trong cấu trúc của phân tử ADN?

- A. Uraxin.    B. Xitôzin    C. Adênin.    D. Timin.

**Câu 19:** Nhân thực, đa bào, dị dưỡng, có khả năng di chuyển, cảm ứng nhanh là đặc điểm của các sinh vật thuộc

- A. Giới nấm.      B. Giới thực vật.      C. Giới động vật.      D. Giới khởi sinh.

**Câu 20:** Nhóm sinh vật nào dưới đây thuộc giới Nguyên sinh?

- A. Nấm rơm, nấm nhầy, động vật nguyên sinh.
- B. Tảo, nấm nhầy, động vật nguyên sinh.
- C. Vi khuẩn, nấm men, động vật nguyên sinh.
- D. Tảo, nấm men, động vật có dây sống.

**Câu 21:** Sự sống được tiếp diễn liên tục là nhờ

- A. khả năng tiến hóa thích nghi với môi trường sống.

B. khả năng cảm ứng đặc biệt của sinh vật.

C. sự truyền thông tin di truyền trên ADN từ tế bào này sang tế bào khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

D. khả năng tự điều chỉnh cân bằng nội môi.

**Câu 22:** Tập hợp các tế bào có cấu tạo giống nhau và thực hiện chức năng như nhau được gọi là

A. Cơ quan. B. Quần thể. C. Quần xã. D. Mô.

**Câu 23:** Một gen có chiều dài 5100A<sub>0</sub>, có số nuclêôtit loại adenin là 600. Gen này có số liên kết hiđrô là

A. 3600 liên kết B. 3900 liên kết. C. 3000 liên kết. D. 4500 liên kết.

**Câu 24:** Cơ thể nào sau đây thuộc tế bào nhân thực quang hợp?

A. Vi khuẩn. B. Động vật. C. Thực vật. D. Vi khuẩn lam.

**Câu 25:** Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm chung của các cấp tổ chức sống?

A. Hệ thống tự điều chỉnh. B. Hệ thống kín.  
C. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. D. Thế giới sống liên tục tiến hóa.

**Câu 26:** Sinh vật nào trong giới nguyên sinh có khả năng tự dưỡng?

A. Trùng biến hình B. Tảo  
C. Giun đất D. Nấm nhày.

**Câu 27:** Tế bào là đơn vị cơ bản của thế giới sống vì

A. tế bào chỉ được sinh ra từ tế bào trước nó.  
B. mọi có thể sống đều được cấu tạo từ tế bào và mọi hoạt động sống đều diễn ra trong tế bào.  
C. tế bào là cấu trúc nhỏ nhất của sự sống.  
D. tế bào có nhiều bào quan với các chức năng quan trọng.

**Câu 28:** Giới thực vật có thành tế bào là

A. Xenlulozơ B. Kitin C. Glicogen. D. Peptidoglycan.

**Câu 29:** Cho một mạch của phân tử ADN có trình tự 3' ATT GXX TAT GAT 5', trình tự các nucleotit trên mạch còn lại là:

A. 5' TAA XGG ATA XTA 3' B. 3' TAA XGG ATA XTA 5'  
C. 5' TAA XGG TTA XTA 3' D. 3' TAA XGG ATA GTA 5'

**Câu 30:** Phân tử ADN có chiều dài 4080 Angstrom (A<sub>0</sub>), thì khối lượng của phân tử đó là

A. 72.104 đvC. B. 9.105 đvC. C. 54.104 đvC. D. 36.104 đvC.

**Câu 31:** Hãy chọn câu sau đây có thứ tự sắp xếp các cấp độ tổ chức sống từ thấp đến cao:



A. Cơ thể, quần thể, hệ sinh thái, quần xã.

B. Quần xã, quần thể, hệ sinh thái, cơ thể.

C. Cơ thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái.

D. Quần thể, quần xã, cơ thể, hệ sinh thái

**Câu 32:** Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là

A. các đại phân tử.

B. mô.

C. cơ quan.

D. tế bào.

### ĐÁP ÁN

CÂU HỎI	Đ/A
1	C
2	B
3	D
4	D
5	A
6	C
7	D
8	A
9	B
10	C
11	A
12	D
13	C
14	B
15	B
16	C
17	D
18	A
19	C
20	B
21	C
22	D
23	B

24	C
25	B
26	B
27	B
28	A
29	A
30	A
31	C
32	D

### 8. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 8

TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỖNH MÃN ĐẠT

-----

KIỂM TRA SINH 10 CHUYÊN  
BÀI THI: SINH 10 CHUYÊN  
(Thời gian làm bài: 45 phút)

**Câu 1:** Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là

- A. các đại phân tử.      B. tế bào.      C. mô.      D. cơ quan.

**Câu 2:** Các cấp tổ chức của thế giới sống đều là những hệ mở vì

- A. có khả năng thích nghi với môi trường.  
B. thường xuyên trao đổi chất với môi trường.  
C. có khả năng sinh sản để duy trì nòi giống.  
D. phát triển và tiến hoá không ngừng.

**Câu 3:** Các tiêu chí cơ bản để phân biệt 5 giới sinh vật là:

- A. khả năng di chuyển, cấu tạo cơ thể, kiểu dinh dưỡng.  
B. loại tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, kiểu dinh dưỡng.  
C. trình tự các nuclêotit, mức độ tổ chức cơ thể.  
D. cấu tạo tế bào, khả năng vận động, mức độ tổ chức cơ thể.

**Câu 4:** Dựa vào đặc điểm nào sau đây có thể phân biệt rõ sinh vật thuộc giới Khởi sinh hoặc giới Nguyên sinh?

- A. Cấu tạo cơ thể đơn bào hoặc đa bào.  
B. Phương thức sống tự dưỡng hoặc dị dưỡng.  
C. Cấu tạo tế bào nhân sơ hoặc nhân thực.  
D. Phương thức sống hoại sinh hoặc kí sinh.

**Câu 5:** Nấm sợi không được xếp vào giới thực vật vì chúng có:

- A. vách bằng kitin, đời sống cố định, chất dự trữ là tinh bột.
- B. vách bằng kitin, đời sống cố định, cấu tạo đa bào.
- C. vách bằng xenlulôzơ, đời sống dị dưỡng, chất dự trữ là tinh bột.
- D. vách bằng kitin, đời sống dị dưỡng, chất dự trữ là glicôgen.

**Câu 6:** Sự khác biệt cơ bản giữa giới thực vật và động vật là:

- A. giới thực vật bao gồm các sinh vật sống cố định, cảm ứng nhanh, giới động vật gồm các sinh vật phản ứng chậm và có khả năng di chuyển.
- B. giới thực vật bao gồm các sinh vật sống di chuyển, cảm ứng chậm, giới động vật gồm các sinh vật phản ứng nhanh và sống cố định.
- C. giới thực vật gồm có 4 ngành, giới động vật gồm có 7 ngành chính.
- D. giới thực vật bao gồm các sinh vật tự dưỡng, giới động vật bao gồm các sinh vật dị dưỡng

**Câu 7:** Cho các ý sau:

- (1) Đa dạng về loại, về nguồn gen.
- (2) Đa dạng về lưới và chuỗi thức ăn.
- (3) Đa dạng về hệ sinh thái.
- (4) Đa dạng về sinh quyển.

Trong các ý trên có những ý nào nói về sự đa dạng của thế giới sinh vật?

- A. (1), (2), (3).
- B. (1), (2), (4).
- C. (1), (3), (4).
- D. (2), (3), (4).

**Câu 8:** Hợp chất đặc trưng cho cấu trúc thành tế bào vi khuẩn là:

- A. colestêrôn
- B. xenlulôzơ
- C. peptidôglican
- D. photpholipit và prôtêin

**Câu 9:** Cho các thông tin về cấu trúc của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực như sau:

- (1) Tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ đều có sự xoang hóa tế bào.
- (2) Tế bào nhân thực có kích thước lớn hơn tế bào nhân sơ.
- (3) Tế bào nhân thực có nhân hoàn chỉnh (có màng nhân bao bọc vật chất di truyền), trong nhân có nhiều nhiễm sắc thể; tế bào nhân sơ chưa có màng nhân.
- (4) Tế bào chất của tế bào nhân thực có hệ thống nội màng và nhiều bào quan; tế bào nhân sơ không có bào quan không có màng bao bọc.
- (5). Tế bào nhân thực có tốc độ trao đổi chất nhanh hơn tế bào nhân sơ.

Tổ hợp các câu trả lời sai là:

- A. 2, 3, 4, 5.
- B. 1, 3, 4.
- C. 1, 2, 3.
- D. 1, 4, 5.

**Câu 10:** Một số vi khuẩn có khả năng bám vào bề mặt tế bào người, vì vậy chúng có thể gây bệnh cho người. Cấu trúc nào sau đây ở vi khuẩn giúp chúng thực hiện được khả năng đó?

- A. Thành tế bào.                      B. Vỏ nhầy.                      C. Roi.                      D. **Lông.**

**Câu 11:** Phương pháp nhuộm Gram được thực hiện trên dịch cơ thể và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng giúp phân biệt bệnh do nhiễm khuẩn với các trường hợp không do nhiễm khuẩn. Một mẫu dịch não tủy của người bị bệnh được tiến hành nhuộm Gram, sau đó quan sát trên kính hiển vi. Kết quả cho thấy có những vi khuẩn hình que màu tím trong dịch não tủy. Có thể kết luận điều gì?

- A. Vi khuẩn gây bệnh là vi khuẩn Gram âm và bệnh do chúng gây nên thường nguy hiểm hơn.  
B. Vi khuẩn gây bệnh là vi khuẩn Gram dương và bệnh do chúng gây nên thường nguy hiểm hơn.  
C. Vi khuẩn gây bệnh là vi khuẩn Gram âm và bệnh do chúng gây nên thường ít nguy hiểm hơn.  
D. **Vi khuẩn gây bệnh là vi khuẩn Gram dương và bệnh do chúng gây nên thường ít nguy hiểm hơn.**

**Câu 12:** Vùng nhân là trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào vi khuẩn vì

- A. vùng nhân chứa đựng tất cả các bào quan của tế bào.  
B. **vùng nhân chứa ADN dạng vòng, là vật chất di truyền ở cấp độ tế bào.**  
C. vùng nhân là nơi thực hiện trao đổi chất với môi trường quanh tế bào.  
D. vùng nhân có thể liên hệ với màng và tế bào chất nhờ hệ thống lưới nội chất.

**Câu 13:** Loại bào quan nào sau đây chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?

- A. Ti thể.                      B. Lưới nội chất.                      C. Bộ máy Gôngi.                      D. **Lục lạp.**

**Câu 14:** Mạng lưới nội chất hạt phát triển nhiều nhất trong loại tế bào nào sau đây ?

- A. Tế bào hồng cầu.                      B. **Tế bào bạch cầu.**                      C. Tế bào thần kinh.                      D. Tế bào cơ.

**Câu 15:** Cơ quan nào đóng gói prôtêin khi đưa prôtêin ra ngoài tế bào?

- A. Lưới nội chất hạt.                      B. **Bộ máy Gôngi.**                      C. Lizôxôm.                      D. Lưới nội chất trơn.

**Câu 16:** Sắc tố diệp lục có chứa nhiều trong cấu trúc nào sau đây ?

- A. Chất nền.                      B. **Các túi tilacôit.**  
C. Màng ngoài lục lạp.                      D. Màng trong lục lạp.

**Câu 17:** Trong tế bào, ti thể có đặc điểm:

- (1) được bao bọc bởi màng đơn.
- (2) chất nền có chứa ADN và ribôxôm
- (3) cung cấp năng lượng cho tế bào dưới dạng các phân tử ATP
- (4) số lượng ti thể ở các loại tế bào khác nhau thì không như nhau.

Câu trả lời đúng là:

- A. 1, 2, 3, 4.                      B. 1, 2, 3.                      C. 2, 3, 4.                      D. 1, 3, 4.

**Câu 18:** Theo mô hình cấu trúc của màng tế bào được chấp nhận hiện nay, phần ngoài của màng tế bào gồm:

- A. các phần ngoài kỵ nước của các phân tử.  
B. các phần ưa nước của các phân tử.  
C. các phân tử không tích điện.  
D. các đầu không phân cực của các phân tử.

**Câu 19:** Tại sao khi cô lập các bào quan để nghiên cứu chức năng cần phải giữ chúng trong dung dịch đẳng trương saccarôzơ hay NaCl mà không phải trong nước cất?

- A. Để cung cấp đường hoặc  $\text{Na}^+$  cho bào quan.  
B. Để bào quan không bị biến dạng hoặc vỡ.  
C. Để hoạt hóa enzym của bào quan.  
D. Để bào quan không bị khô, mất chức năng.

**Câu 20:** Cách vận chuyển nào sau đây thuộc hình thức vận chuyển chủ động?

- (1) Vận chuyển nước qua màng tế bào nhờ kênh prôtêin.
- (2) Vận chuyển glucôzơ đồng thời với natri qua màng tế bào.
- (3) Vận chuyển một số ion như:  $\text{Na}^+$ ,  $\text{K}^+$ ,  $\text{Ca}^{2+}$ , ... vào tế bào để dự trữ.
- (4) Vận chuyển  $\text{O}_2$  qua màng tế bào.
- (5) Vận chuyển một số axit amin cần thiết để bổ sung cho kho dự trữ nội bào.
- (6) Vận chuyển các phân tử lipit qua lớp photpholipit.

Phương án lựa chọn đúng là:

- A. (2), (3), (5).                      B. (1), (2), (3).                      C. (2), (3), (4).                      D. (1), (4), (6).

**Câu 21:** Alen là:

- A. những trạng thái khác nhau của cùng một gen.  
B. trạng thái biểu hiện của gen.  
C. các gen khác biệt trong trình tự các nuclêôtit.  
D. các gen được phát sinh do đột biến.



**Câu 27:** Điều kiện quan trọng nhất của quy luật phân li độc lập là :

- A. Bố mẹ phải thuần chủng về tính trạng đem lai.
- B. Tính trạng trội phải trội hoàn toàn.
- C. Số lượng cá thể phải đủ lớn.
- D. Các cặp gen quy định các cặp tính trạng nằm trên các cặp NST khác nhau.

**Câu 28:** Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn. Theo lí thuyết, phép lai AaBbDdEE x aaBBddee cho đời con có

- A. 8 loại kiểu gen và 4 loại kiểu hình.
- B. 4 loại kiểu gen và 6 loại kiểu hình.
- C. 12 loại kiểu gen và 4 loại kiểu hình.
- D. 12 loại kiểu gen và 8 loại kiểu hình.

**Câu 29:** Tỷ lệ kiểu gen của phép lai AaBbDd x AaBbDd được triển khai từ biểu thức nào sau đây?

- A.  $(1 : 2 : 1) (1 : 2 : 1) (1 : 2 : 1)$ .
- B.  $(1 : 2 : 1) (3 : 1)$ .
- C.  $(3 : 1) (3 : 1) (3 : 1)$ .
- D.  $(1 : 2 : 1) (3 : 1) (1 : 1)$ .

**Câu 30:** Ở một loài côn trùng, gen qui định tính trạng nằm trên NST thường và di truyền theo hiện tượng trội hoàn toàn. Gen A: thân xám; gen a: thân đen. Gen B: mắt đỏ; gen b: mắt vàng. Gen D: lông ngắn; gen d: lông dài. Các gen nói trên phân li độc lập và tổ hợp tự do trong giảm phân. Tỷ lệ kiểu gen aaBbdd tạo ra từ phép lai aaBbDd x AabbDd là bao nhiêu?

- A. 3,125%.
- B. 6,25%.
- C. 56,25%.
- D. 18,75%.

## 9. Đề thi giữa HK1 Sinh 10 số 9

TRƯỜNG THPT BÙI DỤC TÀI

ĐỀ KIỂM TRA 45' HỌC KÌ I-NĂM HỌC 2019-2020

MÔN: Sinh học - lớp 10 CƠ BẢN

Thời gian làm bài: 45 phút

### I. Trắc nghiệm:

**Câu 1:** Một phân tử ADN có 2400 nuclêôtit thì chiều dài của ADN là:

- A. 1020 A°.
- B. 4080 A°.
- C. 5100 A°.
- D. 2040 A°.

**Câu 2:** Chức năng không có ở prôtêin là

- A. cấu trúc.
- B. xúc tác quá trình trao đổi chất.
- C. điều hoà quá trình trao đổi chất.
- D. truyền đạt thông tin di truyền.

**Câu 3:** Điểm giống nhau về cấu tạo giữa Ty thể và Lục lạp là:

- A. Đều có trong tế bào của thực vật và động vật.
- B. Không chứa ADN.
- C. Được bao bọc chỉ bởi một lớp màng đơn.







**ĐỀ THI GIỮA HK1 (2019 – 2020)****MÔN: SINH HỌC 10****(Thời gian làm bài: 45 phút)**

**Câu 1 (1 điểm):** Nguyên tắc thứ bậc là gì?

**Câu 2 (1 điểm):** Trình bày đặc điểm cấu tạo của giới khởi sinh.

**Câu 3 (1 điểm):** Gọi tên đơn phân của phân tử protein. Có bao nhiêu loại đơn phân?

**Câu 4 (1 điểm):** Nêu 2 chức năng của lipit.

**Câu 5 (1 điểm):** Những nguyên tố nào sau đây là nguyên tố vi lượng: Mo, N, Mn, Mg, S, Cu, Na, I?

**Câu 6 (1 điểm):** Phân tử ADN có mấy mạch? Giải thích tính đa dạng của ADN của các loài sinh vật.

**Câu 7 (1 điểm):** Cho biết trình tự một đoạn mạch của ADN như sau: 5'...AGXT...3'. Hãy xác định trình tự của mạch còn lại.

**Câu 8 (1 điểm):** Trình bày cấu trúc và chức năng vùng nhân của tế bào vi khuẩn.

**Câu 9 (1 điểm):** Phá hủy nhân tế bào từ trứng loài ếch A, sau đó lấy nhân tế bào sinh dưỡng của loài ếch B cấy vào. Kết quả thu được các con ếch con từ các tế bào đã được chuyển nhân. Em hãy cho biết các con ếch con này có đặc điểm của loài nào? Giải thích.

**Câu 10 (1 điểm):** Nêu 2 điểm khác nhau cơ bản về cấu tạo để phân biệt tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

**ĐÁP ÁN**

**Câu 1:**

- Tổ chức dưới làm nền tảng xây dựng nên tổ chức sống cấp trên
- Tổ chức sống cấp cao hơn không chỉ có các đặc điểm của tổ chức sống cấp thấp mà còn có những đặc tính nổi trội mà tổ chức dưới không có được

**Câu 2:** - Sinh vật nhân sơ. Cơ thể đơn bào

**Câu 3:** - Axit amin. Có 20 loại axit amin

**Câu 4:** Học sinh trình bày được 2 trong 3 chức năng sau:

- Là thành phần cấu trúc nên màng sinh chất: phospholipit.
- Là nguồn dự trữ năng lượng cho tế bào (mỡ, dầu).
- Tham gia vào điều hoà quá trình trao đổi chất (hormon)....

**Câu 5:** Những nguyên tố vi lượng: Mo, Mn, Cu, I.

**Câu 6:** Phân tử ADN có 2 mạch. ADN của các loài sinh vật khác nhau là do sự sai khác về số lượng, thành phần, trình tự sắp xếp của các nuclêôtit

**Câu 7:** Trình tự một đoạn mạch còn lại 3'...TXGA....5'.

**Câu 8:**

- Cấu trúc: Thường chỉ chứa một phân tử ADN mạch vòng duy nhất
- Chức năng: Chứa vật chất di truyền, trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống

**Câu 9:**

- Éch con này có đặc điểm của loài B
- Nhân chính là nơi chứa thông tin di truyền của tế bào, trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống

**Câu 10:**

- Tế bào nhân sơ: không có màng nhân và tế bào chất chỉ chứa 1 bào quan duy nhất là ribôxôm
- Tế bào nhân thực: có màng nhân, tế bào chất có chứa nhiều bào quan